

Số: /SXD-QLCLXD

Đồng Nai, ngày tháng năm 2023

V/v triển khai, phổ biến Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, mã số QCVN 16:2023/BXD

Kính gửi:

- Các Sở - ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện;
- Các Ban quản lý: Dự án đầu tư xây dựng tỉnh; Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh; Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh; Các khu công nghiệp tỉnh; Khu công nghệ cao, công nghệ sinh học; Dự án thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các huyện;
- Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai;
- Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Nai;
- Liên hiệp các hội khoa học - kỹ thuật tỉnh;
- Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 04/2023/TT-BXD về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (VLXD), mã số QCVN 16:2023/BXD (**có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024** và thay thế Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

Thực hiện chức năng tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng và VLXD trên địa bàn tỉnh; Sở Xây dựng triển khai, phổ biến một số **nội dung mới và quan trọng** của Thông tư số 04/2023/TT-BXD và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2023/BXD như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD không áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa VLXD nhập khẩu dưới dạng mẫu hàng để quảng cáo không có giá trị sử dụng; hàng mẫu để nghiên cứu; mẫu hàng để thử nghiệm; hàng hóa tạm nhập khẩu để trưng bày, giới thiệu tại hội chợ triển lãm; hàng hóa tạm nhập - tái xuất, không tiêu thụ và sử dụng tại Việt Nam; hàng hóa trao đổi của cư dân biên giới, quà biếu, tặng trong định mức thuế; hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển; hàng hóa phục vụ yêu cầu khẩn cấp theo chỉ đạo của Chính phủ và hàng chuyên dụng phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

2. Quy định chung

2.1. Khi lưu thông trên thị trường, **đối với sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước phải có giấy chứng nhận hợp quy và thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy** của cơ quan kiểm tra tại địa phương; **đối với hàng hóa nhập khẩu phải có Giấy chứng nhận hợp quy.**

2.2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng sản phẩm phải **kê khai đúng chủng loại sản phẩm, hàng hóa VLXD phù hợp với danh mục** sản phẩm quy định tại Bảng 1, Phần 2 của Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD. Trường hợp không rõ chủng loại sản phẩm, hàng hóa các tổ chức, cá nhân có liên quan phải phối hợp với tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm để thực hiện việc định danh loại sản phẩm.

2.3. Các sản phẩm, hàng hóa VLXD sản xuất trong nước, nhập khẩu quy định tại Bảng 1, Phần 2 của Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD áp dụng biện pháp quản lý dựa trên **kết quả chứng nhận của Tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận** theo quy định của pháp luật.

2.4. Dấu hợp quy được **sử dụng trực tiếp trên sản phẩm, hàng hóa hoặc trên bao gói hoặc trên nhãn gắn trên sản phẩm, hàng hóa hoặc trong chứng chỉ chất lượng, tài liệu kỹ thuật của sản phẩm** theo quy định về dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN.

3. Danh mục sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng của QCVN 16:2023/BXD

Có 41 loại và chia thành 10 nhóm:

3.1. Xi măng, phụ gia cho xi măng và bê tông: 06 loại.

3.2. Cốt liệu xây dựng: 02 loại.

3.3. Vật liệu ốp lát: 04 loại.

3.4. Vật liệu xây: 04 loại.

3.5. Vật liệu lợp: 02 loại.

3.6. Thiết bị vệ sinh: 04 loại.

3.7. Kính xây dựng: 07 loại.

3.8. Vật liệu trang trí hoàn thiện: 04 loại.

3.9. Ống cấp thoát nước: 05 loại.

3.10. VLXD khác: 03 loại.

4. Về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy

Các sản phẩm, hàng hóa VLXD sản xuất trong nước phải được công bố hợp quy tại Sở Xây dựng địa phương nơi đăng ký kinh doanh dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc thừa nhận theo quy định của pháp luật.

5. Về đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu

5.1. Đối với hàng hóa VLXD nhập khẩu quy định tại Phần 2 của Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD, người nhập khẩu phải đăng ký kiểm tra nhà nước về

chất lượng hàng hóa nhập khẩu thực hiện **tại Sở Xây dựng địa phương nơi nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa.**

a) Khi đăng ký kiểm tra nhà nước, **phải xác định tên Tổ chức chứng nhận hợp quy, tên Tổ chức thử nghiệm** thực hiện việc thử nghiệm, đánh giá chứng nhận chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên Bản đăng ký theo Mẫu số 01 - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung theo khoản 9 Điều 4 của Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 9 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ. Cơ quan kiểm tra xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký.

b) Người nhập khẩu nộp bản đăng ký có xác nhận của Cơ quan kiểm tra cho Cơ quan hải quan để **được phép thông quan hàng hóa.**

c) Trong thời hạn **15 ngày làm việc** (đối với nhóm sản phẩm xi măng, phụ gia cho xi măng, bê tông và vữa là **35 ngày làm việc**) kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu phải nộp bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu), Giấy chứng nhận hợp quy và kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa (được thực hiện bởi tổ chức chứng nhận hợp quy và tổ chức thử nghiệm đã có tên trong bản đăng ký nộp cho Cơ quan kiểm tra trước đó) phù hợp với Bảng 1 của Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD cho Cơ quan kiểm tra.

d) Trường hợp, hàng hóa đã được Tổ chức chứng nhận đánh giá tại nước xuất khẩu, trong thời hạn **03 ngày làm việc** kể từ ngày thông quan, người nhập khẩu phải nộp bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu), Giấy chứng nhận hợp quy cho Cơ quan kiểm tra.

e) Trường hợp, người nhập khẩu thực hiện đăng ký kiểm tra chất lượng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì thực hiện đăng ký kiểm tra và trả kết quả kiểm tra chất lượng thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

g) Người nhập khẩu hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa do mình nhập khẩu.

5.2. Miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa VLXD nhập khẩu

a) Áp dụng biện pháp miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa VLXD nhập khẩu theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

b) Đơn vị nhập khẩu khi có nhu cầu miễn giảm kiểm tra, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị miễn kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định 154/2018/NĐ-CP gửi về Sở Xây dựng địa phương để xem xét, xác nhận miễn giảm.

c) Trong thời gian được miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu: đơn vị nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

5.3. Quy định về xử lý hồ sơ nhập khẩu và chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật

Thực hiện theo Điều 6 và Điều 9 Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN.

6. Số lượng mẫu để thử nghiệm đánh giá

6.1. Đối với hàng hóa VLXD nhập khẩu với số lượng ít không đủ để lấy mẫu thử nghiệm theo quy định hoặc chi phí thử nghiệm được xác định thông qua 03 báo giá của tổ chức thử nghiệm cho thấy lớn hơn so với giá trị của lô hàng nhập khẩu; Đồng thời người nhập khẩu cần chứng minh hàng hóa không sử dụng, lưu thông và đưa vào công trình xây dựng thì áp dụng theo điều 1.1.2 của Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD.

6.2. Đối với hàng hóa VLXD nhập khẩu không đúng quy cách quy định tại Phần 2 QCVN 16:2023/BXD, người nhập khẩu có trách nhiệm phối hợp với tổ chức chứng nhận làm việc với đơn vị sản xuất và xuất khẩu tại nước ngoài để gửi mẫu đảm bảo tính đại diện cho lô hàng hóa nhập khẩu phục vụ cho công tác chứng nhận chất lượng theo quy định, số lượng mẫu phải đủ cho công tác thử nghiệm và lưu mẫu.

7. Điều khoản chuyển tiếp

7.1. Đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa VLXD đã được cấp Giấy chứng nhận hợp quy phù hợp Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD và Giấy chứng nhận còn hiệu lực thì được phép sử dụng Giấy chứng nhận hợp quy và dấu hợp quy cho đến khi hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đó.

7.2. Đối với các tổ chức đã được chỉ định chứng nhận hợp quy, thử nghiệm đối với các sản phẩm, hàng hóa VLXD theo Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD thì được phép tiếp tục thực hiện chứng nhận hợp quy, thử nghiệm đối với các sản phẩm, hàng hóa VLXD có trong Quyết định chỉ định đồng thời có trong danh mục sản phẩm hàng hóa VLXD theo Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD đến khi hết hạn hiệu lực của Quyết định chỉ định.

7.3. Trường hợp quyết định chỉ định hết thời hạn trong khoảng thời gian Quy chuẩn này ban hành nhưng chưa có hiệu lực thì được phép gia hạn hoạt động chứng nhận hợp quy, thử nghiệm đến ngày Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD có hiệu lực.

Đối với các nội dung khác, đề nghị nghiên cứu chi tiết Thông tư số 04/2023/TT-BXD, QCVN 16:2023/BXD hiện được đăng tải trên Trang thông tin điện tử Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai¹.

Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai triển khai, phổ biến Thông tư số 04/2023/TT-BXD về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa VLXD, mã số QCVN 16:2023/BXD mới ban hành nêu trên. Đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai cho các tổ chức, cá nhân có liên quan và hoạt động trên địa bàn quản lý nghiên cứu, tổ chức thực hiện phù hợp quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Xây dựng;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc SXD;
- VPS (đăng tải website Sở);
- Lưu: VT, PQLCLXD.Nam

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Hoàng

¹ Địa chỉ <https://sxd.dongnai.gov.vn/Pages/home.aspx>; tại mục “Văn bản QPPL”.